

Số: 928 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển Tổng công ty Bưu chính Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ văn bản số 1066/TTg-ĐMDN ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, chuyển đổi Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và công ty Thông tin di động VMS;

Xét đề nghị của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại Tờ trình số 143/TTg-VNPT-HĐQT-TCCB ngày 28 tháng 6 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng công ty Bưu chính Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển Tổng công ty Bưu chính Việt Nam sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con. Công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, gồm: Văn phòng, các Ban chức năng của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

1. Tên gọi sau khi chuyển đổi:

a. Tên gọi đầy đủ: Tổng công ty Bưu chính Việt Nam;

b. Tên viết tắt: Bưu chính Việt Nam

c. Tên giao dịch: Bưu chính Việt Nam;

d. Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Post; viết tắt: VNPost.

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

3. Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bưu chính Việt Nam) có tư cách pháp nhân, hoạt động theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu, biểu tượng riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng và kho bạc theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bưu chính Việt Nam.

4. Trụ sở chính: số 5, Đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

5. Ngành nghề kinh doanh:

a) Thiết lập, quản lý, khai thác và phát triển mạng bưu chính công cộng, cung cấp các dịch vụ bưu chính công ích theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Cung cấp các dịch vụ công ích khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Kinh doanh các dịch vụ bưu chính dành riêng theo qui định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

đ) Kinh doanh các dịch vụ bưu chính chuyên phát, phát hành báo chí trong và ngoài nước;

đ) Kinh doanh các dịch vụ tài chính bán lẻ trên mạng bưu chính, các dịch vụ bảo hiểm, tài chính, ngân hàng theo qui định của pháp luật;

e) Tham gia các hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính quốc tế và các dịch vụ khác trong khuôn khổ các Điều ước quốc tế trong lĩnh vực bưu chính mà Việt Nam ký kết, gia nhập theo qui định của pháp luật;

g) Đại lý dịch vụ viễn thông, bán lại dịch vụ viễn thông;

h) Tư vấn, nghiên cứu, đào tạo, dạy nghề và ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bưu chính;

i) Kinh doanh các dịch vụ trên môi trường mạng theo qui định của pháp luật;

k) Kinh doanh vận tải hành khách, vận tải hàng hoá theo qui định của pháp luật;

l) Kinh doanh các dịch vụ Logistics;

m) Mua, bán, sửa chữa xe và vật tư, thiết bị xe, máy;

n) Mua, bán, đại lý mua, đại lý bán các loại hàng hoá và dịch vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật;

- o) Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng và các loại hàng hoá dịch vụ khác;
- p) Cho thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải theo qui định của pháp luật;
- q) In, sao bản ghi các loại; xuất bản; kinh doanh, xuất nhập khẩu báo chí và xuất bản phẩm;
- r) Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;
- s) Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch, quảng cáo;
- t) Sản xuất giấy và các sản phẩm về giấy theo qui định của pháp luật;
- u) Nghiên cứu thị trường; xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu theo qui định của pháp luật;
- v) Tư vấn, thiết kế, xây dựng công trình, hạng mục công trình trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông;
- x) Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

6. **Vốn điều lệ:** 8.122 tỷ đồng tại thời điểm chuyển đổi.

Việc xác định để điều chỉnh, bổ sung mức vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. **Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu:**

Nhà nước là chủ sở hữu của Bưu chính Việt Nam. Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc phân cấp cho một tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Bưu chính Việt Nam.

8. **Hội đồng thành viên của Bưu chính Việt Nam do Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đảm nhiệm.**

9. Sau khi chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Bưu chính Việt Nam kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trước khi chuyển đổi.

10. Các đơn vị trực thuộc, công con, công ty liên kết: Được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bưu chính Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức quản lý:

1. Cơ cấu tổ chức quản lý gồm: Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

2. Tổ chức và hoạt động của Bưu chính Việt Nam được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bưu chính Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc Bưu chính Việt Nam.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm:

- a. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Bưu chính Việt Nam sau khi có ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định của pháp luật;
- b. Bổ nhiệm Tổng giám đốc Bưu chính Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm:

- a. Trình Bộ Thông tin và Truyền thông bổ nhiệm Kiểm soát viên của Bưu chính Việt Nam theo quy định của pháp luật;
- b. Trình Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Bưu chính Việt Nam;
- c. Đăng ký doanh nghiệp và đăng ký lại quyền sở hữu tài sản đối với Bưu chính Việt Nam theo quy định;
- d. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và theo dõi thực hiện Quyết định này trong Bưu chính Việt Nam; kịp thời tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

3. Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trước khi chuyển đổi có trách nhiệm điều hành hoạt động của Bưu chính Việt Nam cho đến khi Tổng giám đốc Bưu chính Việt Nam mới được bổ nhiệm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, Hội đồng thành viên Bưu chính Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTDN;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC, Nội vụ, LĐ-TB và XH;
- Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- Tổng công ty Bưu chính Việt Nam;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Đức Lai